TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 550/2024/DS-ST Ngày: 05 – 8 – 2024 V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dũng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Nguyên
Bà Nguyễn Ngọc Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; trụ sở: Đường N, Phường N, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Trọng L, sinh năm: 1973; địa chỉ: Đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Đồng bị đơn: Ông Biện Trần V, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ M, ấp A (nay là B), đường Q, xã A, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Đồng bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Tổ M, ấp A (nay là B), đường Q, xã A, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, các tài liệu khác trong quá trình tố tụng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm:

Ngày 15/11/2018, ông Biện Trần V và bà Trương Thị T có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số đơn cấp thẻ chính 4218332028810, số đơn cấp thẻ phụ 4218332028811; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Biện Trần V và bà Trương Thị T với hạn mức tín dụng là: 24.000.000 đồng, loại thẻ: V, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí theo Bản các điều khoản và điều kiện

sử dụng của Ngân hàng TMCP A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Từ ngày 28/11/2018, Ngân hàng TMCP A đã cấp tín dụng cho ông Biện Trần V và bà Trương Thị T 24.000.000 đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Biện Trần V và bà Trương Thị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 23.994.000 đồng. Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Biện Trần V và bà Trương Thị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.440.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (bao gồm: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; giao dịch mua hàng hóa trong kỳ).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông V và bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông V và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 09/10/2019 Ngân hàng đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông V và bà T. Ngày 29/10/2019, Ngân hàng ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với thẻ tín dụng nêu trên. Về dư nợ chưa trả, tính đến ngày 05/8/2024, ông V và bà T còn nợ ngân hàng tổng cộng 63.579.530 đồng, trong đó gồm có: nợ gốc là 25.896.601 đồng, lãi quá hạn: 37.682.929 đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP A khởi kiện: Yêu cầu buộc ông Biện Trần V và bà Trương Thị T trả ngay cho Ngân hàng TMCP A số tiền (tạm tính đến ngày 05/08/2024) là: 63.579.530 đồng, trong đó gồm có: nợ gốc là 25.896.601 đồng, tiền lãi là 37.682.929 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 06/08/2024 cho đến khi ông Biện Trần V và bà Trương Thị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Phía bị đơn ông Biện Trần V và bà Trương Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện B thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập để lấy lời khai, triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp bổ sung Bảng kê tính lãi tính đến ngày 05/08/2024.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện B nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ngân hàng TMCP A khởi kiện ông Biện Trần V và bà Trương Thị T phải trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết và thực hiện giữa Ngân hàng TMCP A và ông Biện Trần V, bà Trương Thị T. Ông Biện Trần V và bà Trương Thị T cư trú tại huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Trọng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Biện Trần V và bà Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Biện Trần V và bà Trương Thị T theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số đơn cấp thẻ chính 4218332028810, số đơn cấp thẻ phụ 4218332028811; Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ông Biện Trần V và bà Trương Thị T đã đăng ký thẻ tín dụng loại V, có hạn mức là 24.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Biện Trần V và bà Trương Thị T đã sử dụng 23.994.000 đồng; ông V và bà T đã thanh toán 6.440.000 đồng. Tại Bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng (từ ngày 24/12/2018 đến ngày 24/10/2019 do phía Ngân hàng cung cấp thì giao dịch phát sinh cuối cùng mà ông Biện Trần V và bà Trương Thị T sử dụng là vào kỳ sao kê tháng 01/2019. Ông Biện Trần V và bà Trương Thị T bắt đầu ngừng thanh toán cho Ngân hàng từ kỳ sao kê tháng 06/2019. Ngân hàng TMCP A bắt đầu tính phí thanh toán trễ hạn đối với ông Biện Trần V và bà Trương Thị T từ ngày 09/10/2019 là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Biện Trần V và bà Trương Thị T đến tham gia tố tụng, tống đạt kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Biện Trần V và bà Trương Thị T nhưng ông Biện Trần V và bà Trương Thị T vắng mặt, không phản đối các chứng cứ mà phía Ngân hàng TMCP A cung cấp. Do đó, có căn cứ xác định số tiền mà ông Biện Trần V và bà Trương Thị T phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 05/8/2024 là: 63.579.530 đồng, trong đó gồm có: nợ gốc là 25.896.601 đồng, tiền lãi là 37.682.929 đồng.

[5] Án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên ông Biện Trần V và bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, buộc ông Biện Trần V và bà Trương Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền: 63.579.530 đồng, trong đó gồm có: nợ gốc là 25.896.601 đồng, tiền lãi là 37.682.929 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Ông Biện Trần V và bà Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.178.977 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí là 1.462.522 đồng theo Biên lai số: 0033484 ngày 29/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng TMCP A, ông Biện Trần V và bà Trương Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày Ngân hàng TMCP A, ông Biện Trần V và bà Trương Thị T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện B, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Dũng